

Số: 2491/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Văn kiện phi Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Tăng cường thúc đẩy khu vực tư nhân trong nước tham gia chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu và xuất khẩu” do Ngân hàng Phát triển châu Á tài trợ

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 305/QĐ-BCT ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Văn kiện phi Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Tăng cường thúc đẩy khu vực tư nhân trong nước tham gia chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu và xuất khẩu” do Ngân hàng Phát triển châu Á tài trợ, với các nội dung chính sau:

1. Tên phi Dự án

- Tên tiếng Việt: *Tăng cường thúc đẩy khu vực tư nhân trong nước tham gia chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu và xuất khẩu.*

- Tên tiếng Anh: *Increasing Domestic Private Sector Participation in Regional and Global Value Chains and Exports.*

2. Tên nhà tài trợ

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB).

3. Cơ quan chủ quản, chủ phi Dự án

- Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương.

- Chủ phi Dự án: Vụ Kế hoạch.

4. Thời gian, địa điểm thực hiện Dự án

- Thời gian thực hiện: Từ Quý IV năm 2022 đến Quý II năm 2024.
- Địa điểm thực hiện: Hà Nội và một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.

5. Mục tiêu, hoạt động và kết quả của phi Dự án

5.1. Mục tiêu của phi Dự án

a) Mục tiêu tổng quát:

Tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân vào chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu và xuất khẩu để đẩy mạnh việc làm, thu nhập và phát triển bền vững và toàn diện trong dài hạn.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Hỗ trợ xây dựng báo cáo làm rõ thực trạng tham gia của khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.
- Hỗ trợ Bộ Công Thương xây dựng Chương trình quốc gia hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.
- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ làm chính sách của Bộ Công Thương.

5.2. Hoạt động của phi Dự án

(i) Phi Dự án gồm 03 hoạt động chính như sau:

- Nghiên cứu và xây dựng Báo cáo đánh giá về sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam vào chuỗi giá trị khu vực toàn cầu.
- Xây dựng Dự thảo kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.
- Tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ làm chính sách.

(ii) Kế hoạch tổng thể thực hiện phi Dự án được Vụ Kế hoạch phối hợp với ADB rà soát, cập nhật trình Bộ Công Thương phê duyệt sau khi Văn kiện phi Dự án được phê duyệt.

6. Tổ chức quản lý phi Dự án

Nhà tài trợ nước ngoài (ADB) trực tiếp quản lý toàn bộ phi Dự án, Bộ Công Thương giao Vụ Kế hoạch phối hợp với ADB giám sát tiến độ và chất lượng, khai thác và sử dụng các kết quả đầu ra của phi Dự án.

7. Tổng mức vốn, cơ cấu nguồn vốn


Tổng mức vốn: 200.000 USD (tương đương 4.657.000.000 đồng¹), trong đó:

- Nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại: 200.000 USD (tương đương 4.657.000.000 đồng) do ADB quản lý tài chính theo quy định của ADB.
- Nguồn vốn đối ứng (tiền mặt): 0 đồng

Điều 2. Vụ Kế hoạch được giao là chủ phi dự án và có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện phi Dự án đảm bảo phù hợp với trách nhiệm và quyền hạn của chủ phi dự án theo quy định của pháp luật;
- Phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài giám sát tiến độ và chất lượng, khai thác và sử dụng các kết quả đầu ra của phi Dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ: Kế hoạch và Lãnh đạo các Đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Lưu: VT, KH (PhuongLTL).



**KI. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân

¹ Áp dụng Tỷ giá do Kho bạc Nhà nước thông báo tháng 10 năm 2022: 1 USD = 23.285 đồng.

BỘ CÔNG THƯƠNG

**VĂN KIẾN PHI DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT
“TĂNG CƯỜNG THÚC ĐẨY KHU VỰC TƯ NHÂN TRONG NƯỚC
THAM GIA CHUỖI GIÁ TRỊ KHU VỰC, TOÀN CẦU VÀ XUẤT
KHẨU”**

*(Kèm theo Quyết định số 2491 /QĐ-BCT ngày 24 tháng 11 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Hà Nội, tháng 11 năm 2022

VĂN KIẾN PHI DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT

“TĂNG CƯỜNG THỨC ĐẨY KHU VỰC TƯ NHÂN TRONG NƯỚC THAM GIA CHUỖI GIÁ TRỊ KHU VỰC, TOÀN CẦU VÀ XUẤT KHẨU”

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ PHI DỰ ÁN

1. Tên phi dự án

- Tên tiếng Anh: **Increasing Domestic Private Sector Participation in Regional and Global Value Chains and Exports.**

- Tên tiếng Việt: **“Tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân vào chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu và xuất khẩu”**

2. Cơ quan chủ quản và Chủ phi dự án:

2.1. Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2.2. Chủ phi dự án: Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

3. Nhà tài trợ nước ngoài:

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB).

4. Thời gian thực hiện:

Từ Quý 4/2022 đến Quý 2/2024.

5. Địa điểm thực hiện:

Phi Dự án sẽ được thực hiện chủ yếu ở Hà Nội và một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.

II. NHU CẦU VỀ KHOẢN PHI DỰ ÁN

1. Sự cần thiết và nhu cầu tài trợ đối với phi dự án

1. Việt Nam đã thành công trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu (GVC). FDI đã mang lại lợi ích to lớn cho Việt Nam về tăng trưởng, xuất khẩu và việc làm, nhưng chưa thực sự hiệu quả trong việc tạo ra các mối liên kết trong nước với chuỗi giá trị toàn cầu. Thực tế đó đã tạo ra một môi trường trong đó các công ty nước ngoài chiếm ưu thế trong lĩnh vực xuất khẩu, có khả năng làm ảnh hưởng tới tăng trưởng dài hạn bền vững và toàn diện của đất nước. Bằng chứng từ các cuộc điều tra doanh nghiệp liên tiếp cho thấy tốc độ tăng năng suất lao động trong các hoạt động sản xuất lắp ráp - bao gồm điện tử, hàng may mặc và giày dép – còn chậm.

2. Khu vực tư nhân trong nước năng động nhưng manh mún, chủ yếu là các

doanh nghiệp vừa và nhỏ và hộ kinh doanh. Thực tế này dẫn đến việc “thiếu phân giữa” trong cơ cấu công nghiệp, bao gồm các doanh nghiệp nhà nước lớn và có vốn đầu tư nước ngoài nằm ở phía trên cùng của tháp hệ thống phân phối, và các doanh nghiệp tư nhân nhỏ ở phía dưới. Có tương đối ít doanh nghiệp tư nhân quy mô vừa và lớn. Các doanh nghiệp này khó có khả năng tiếp cận vốn, công nghệ và khó tiếp cận một số thị trường do các doanh nghiệp nhà nước chi phối.

3. Cơ cấu công nghiệp hiện hành đã và đang mang lại lợi ích nhờ tăng trưởng xuất khẩu, tạo việc làm và giảm nghèo. Sự dịch chuyển lao động từ nông nghiệp và dịch vụ truyền thống (buôn bán nhỏ, dịch vụ gia đình) sang công nghiệp đã tạo ra tốc độ tăng năng suất nhanh chóng. Tuy nhiên, về lâu dài, tăng trưởng sẽ chậm lại do nguồn cung lao động hiện đang thiếu việc làm ở khu vực nông thôn dần cạn kiệt. Kinh nghiệm của các nước Đông Nam Á khác (ví dụ như Thái Lan và Malaysia) cho thấy những thách thức liên quan đến việc chuyển từ hoạt động lắp ráp lương thấp sang hoạt động sản xuất có giá trị gia tăng cao hơn. Trong bối cảnh thiếu các doanh nghiệp tư nhân vừa và lớn có khả năng cạnh tranh, Việt Nam sẽ phải trải qua thời kỳ tốc độ tăng trưởng năng suất chậm lại do sử dụng phát triển các hoạt động sử dụng nhiều lao động.

4. Các nghiên cứu đã chỉ ra vấn đề của việc “thiếu phân giữa” bằng các phân tích các hạn chế đối với việc phát triển của các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam, ví dụ như khả năng tiếp cận đất đai và tín dụng, các thủ tục mua sắm của chính phủ và môi trường pháp lý có lợi cho các doanh nghiệp FDI và DNNN. Tuy nhiên, một số công ty tư nhân đã tìm cách thâm nhập các thị trường xuất khẩu và GVC. Họ tăng quy mô hoạt động và năng lực công nghệ và quản lý của mình. Cần phải học hỏi kinh nghiệm của những công ty tư nhân đã thành công này. Một số công ty đã nổi lên trong một số thị trường hàng hóa, trong đó các nhà sản xuất địa phương có lợi thế so sánh liên quan đến điều kiện sinh thái nông nghiệp, kỹ năng chuyên môn hoặc các lợi thế chi phí khác. Các công ty đã đạt được thành công và hiện thực hóa được tính kinh tế theo quy mô ở thị trường nội địa, trong những điều kiện nhất định, có thể có vị thế tốt để mở rộng ra các thị trường quốc tế. Các doanh nghiệp khác đã có được kiến thức thông qua các mối quan hệ của họ với các công ty nước ngoài và thị trường xuất khẩu với tư cách là nhà cung cấp hoặc khách hàng. Cũng có thể một số DNNN đã cổ phần hóa đã đạt được thành công về xuất khẩu, hoặc bắt đầu các hoạt động mới tạo ra các công ty tư nhân thực sự.

5. Thương mại điện tử ngày càng trở thành một nền tảng xã hội và thương mại quan trọng cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ xuất khẩu sản phẩm của họ, ngay cả khi không tham gia bất kỳ GVC nào. Từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 8 năm 2021, 7,2 triệu sản phẩm - hoặc cứ mỗi phút, 14 sản phẩm của các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam - được bán trên khắp thế giới thông qua Amazon. Hiện tại, 2000 công ty đang bán sản phẩm của họ qua Alibaba ra thế giới, so với chưa đến 300 công ty trong nước có thể cung cấp các bộ phận và linh kiện của họ để xuất khẩu thông qua GVC. Nghiên cứu sẽ xem xét tính hòa nhập xã hội, khả năng thương mại, hiệu quả và nâng cao năng suất của thương mại điện tử so với sự tham gia của GVC và xác định các biện pháp chính

sách để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho các DNVVN xuất khẩu khi họ chưa đủ điều kiện để trở thành một phần của GVC.

6. Vấn đề chuyển giao công nghệ khi các DNVVN tham gia GVC cũng là một vấn đề. Tiếp cận thị trường chỉ là mục tiêu ngắn hạn và trung hạn của các doanh nghiệp. Mục tiêu dài hạn là chuyển giao bí quyết và công nghệ. Có thể chuyển giao công nghệ cho Việt Nam bằng cách tham gia các GVC không? Ở cấp độ doanh nghiệp, chưa có nhiều trường hợp GVC chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp nội địa của Việt Nam, ngoại trừ các kỹ năng quản lý. Ở cấp quốc gia việc này còn ít được biết đến hơn. Sự thành công của các nước mới công nghiệp hóa (NIC) trong những năm 1980 khi trở thành các nền kinh tế công nghiệp hóa đã xảy ra khi không có GVC và vào thời điểm thương mại quốc tế bị chia rẽ. Ngược lại, khi toàn cầu hóa lên đến đỉnh điểm vào cuối những năm 1990 và đầu năm 2000, được thúc đẩy bởi GVC và nội bộ hóa thương mại, có rất ít trường hợp các doanh nghiệp địa phương phát triển thành công thông qua chuyển giao công nghệ từ sự tham gia vào GVC. Nghiên cứu sẽ đánh giá xem sự tham gia vào GVC có thể thúc đẩy công nghệ ở cấp độ doanh nghiệp hay đây chỉ là một quá trình tự cải tiến trong đó Việt Nam phải áp dụng một khuôn khổ phát triển rộng hơn để cải thiện chất lượng giáo dục và tăng cường kỹ năng, sau đó tiệm cận tới hiệu quả và nâng cao năng suất ở cấp độ công ty hơn là thông qua sự tham gia vào GVC.

7. Biến đổi khí hậu là một thách thức lớn đối với Việt Nam, quốc gia thường xuyên được xếp vào danh sách mười quốc gia dễ bị tổn thương nhất trên thế giới do các vùng đồng bằng trũng thấp và phải hứng chịu các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt. Biến đổi khí hậu cũng là cơ hội để nâng cấp công nghiệp. Việc Việt Nam cam kết đạt được mức phát thải carbon ròng bằng 0 vào năm 2050 và việc đóng cửa các nhà máy nhiệt điện than vào những năm 2040 sẽ kích thích nhu cầu đối với các tấm pin mặt trời, tuabin gió, xe điện và xe đạp sản xuất trong nước cũng như các thành phần và dịch vụ liên quan. Nếu các công ty trong nước có thể tận dụng được nhu cầu trong nước đang tăng, họ có thể tự định vị mình để cạnh tranh trên các thị trường xuất khẩu trong khu vực và hơn thế nữa. Do đó, nghiên cứu sẽ đánh giá GVC của ngành năng lượng tái tạo và xem xét sự tham gia vào GVC bền vững / carbon thấp / phát thải thấp có thể thúc đẩy cam kết không carbon vào năm 2050 của Việt Nam và cải thiện phát triển bền vững / nền kinh tế carbon thấp. DNVVN cũng gặp phải một số khó khăn trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường / phát thải thấp / xã hội và các chứng chỉ từ các doanh nghiệp GVC hàng đầu để tham gia GVC.

8. Tài trợ cho DNVVN / Tài trợ Thương mại: Nghiên cứu sẽ xác định nhu cầu và hướng thay đổi quy định để hỗ trợ tài chính cho DNVVN / tài trợ thương mại vì đây là điều cần thiết để tạo ra một môi trường thuận lợi cho các DNVVN tham gia vào các GVC. Những quy định như vậy hiện tại chưa được đưa vào đầy đủ trong luật Việt Nam (chẳng hạn như Luật Các tổ chức tín dụng). Việc thay đổi quy định sẽ cho phép các ngân hàng và tổ chức tài chính cung cấp các sản phẩm tài chính chuỗi cung ứng (SCF) sáng tạo hơn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nghiên cứu cũng sẽ phân tích ưu và nhược điểm của các hệ thống bảo lãnh tín

dụng hiện có cho DNVVN và xác định các biện pháp để cải thiện hoặc thiết lập một hệ thống bảo lãnh tín dụng mới cho hoạt động tài trợ cho DNVVN, tập trung vào tài chính xanh. Bên cạnh đó, việc xác định các yêu cầu thúc đẩy giải quyết tranh chấp trực tuyến sẽ cho phép các DNVVN giải quyết tranh chấp trong các giao dịch bảo đảm nhanh chóng và hiệu quả hơn.

9. Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2025 thực hiện Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025 và Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 – 2025 giao: **Bộ Công Thương chủ trì xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu”**. Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2768/QĐ-BCT ngày 09/12/2021 về Kế hoạch hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP.

2. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ nước ngoài

- ADB là nhà tài trợ nước ngoài và được đề xuất dựa trên các yếu tố sau: ADB là nhà tài trợ lớn của Khu vực Châu Á, là nhà tài trợ truyền thống, nhiều năm và có uy tín tại Việt Nam và nhiều nước trên thế giới.

- ADB có đội ngũ cán bộ chất lượng cao, có nhiều kinh nghiệm trong việc huy động chuyên gia có trình độ khu vực và quốc tế liên quan tới nội dung của Hỗ trợ kỹ thuật phi dự án nêu trên. Cán bộ của ADB có kinh nghiệm và trình độ quản lý tốt đã được thừa nhận trên trường quốc tế và chắc chắn sẽ tuyển được các chuyên gia tư vấn có chất lượng tốt để tham gia thực hiện dự án Hỗ trợ kỹ thuật này.

III. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỦA PHI DỰ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân vào chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu và xuất khẩu để đẩy mạnh việc làm, thu nhập và phát triển bền vững và toàn diện trong dài hạn.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng báo cáo làm rõ thực trạng tham gia của khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

- Hỗ trợ Bộ Công Thương xây dựng Chương trình quốc gia hỗ trợ các DNVVN tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ làm chính sách của Bộ Công Thương.

3. Nội dung chính của phi dự án

(1) *Nghiên cứu và xây dựng Báo cáo đánh giá về sự tham gia của khu*



vực kinh tế tư nhân của Việt Nam vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

- Báo cáo sẽ tập trung xác định các công ty hàng đầu của khu vực tư nhân trong nước (tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp chế tạo và công nghiệp chế biến thực phẩm) đã đạt được thành công trên thị trường xuất khẩu hoặc tham gia vào chuỗi giá trị khu vực / toàn cầu. Dự án sẽ tổ chức và triển khai khảo sát và tham vấn để làm rõ: (i) cách các công ty này đã quản lý để tăng khả năng cạnh tranh; (ii) xác định các rào cản / thách thức và cơ hội; và (iii) đề xuất các hành động chính sách (bao gồm hỗ trợ kỹ thuật và tài chính có mục tiêu và phát triển cơ sở hạ tầng cần thiết) có thể giúp nhiều doanh nghiệp tư nhân tăng cường khả năng cạnh tranh xuất khẩu và sự tham gia vào GVC.

- Báo cáo sẽ đặc biệt chú ý đến các doanh nghiệp trong nước có vị trí thuận lợi và được hưởng lợi từ các chính sách và hành động giúp các doanh nghiệp và địa phương giảm thiểu và / hoặc thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu, bao gồm cung cấp / giới thiệu các công nghệ mới và có khả năng chống chịu với tác động môi trường. Hỗ trợ kỹ thuật cũng sẽ làm rõ nội dung, nội hàm và thống nhất về cách tiếp cận GVC; khung chính sách về hỗ trợ SME tham gia vào chuỗi; kinh nghiệm quốc tế, doanh nghiệp, tập trung vào một số chuỗi của một số ngành, lĩnh vực tiềm năng (ví dụ ngành điện tử, đồ gỗ; lĩnh vực low-carbon GVC). Lựa chọn chuỗi và lĩnh vực sẽ được thực hiện trong cuộc họp định hướng ban đầu của dự án (Inception Workshop).

(2) Xây dựng dự thảo kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia hỗ trợ các DNVTN tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Trên cơ sở nghiên cứu và xây dựng Báo cáo đánh giá về sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, phi Dự án sẽ hỗ trợ xây dựng Dự thảo kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia hỗ trợ các DNVTN tham gia vào GVC.

Trong quá trình xây dựng Dự thảo sẽ tổ chức các hội thảo tham vấn ý kiến của các chuyên gia, cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Nội dung của Chương trình sẽ đưa ra các biện pháp can thiệp để hỗ trợ các DNVTN của Việt Nam tham gia thành công vào GVC, bao gồm: (i) các chính sách, quy định, tiêu chuẩn; và (ii) đầu tư vào cơ sở hạ tầng, công nghệ, kỹ năng và năng lực, dịch vụ kinh doanh và tài chính, thông tin, nghiên cứu và phát triển, và xúc tiến đầu tư.

Các biện pháp can thiệp này sẽ là cơ sở để thiết kế và tài trợ các hỗ trợ tiếp theo của Ngân hàng Phát triển Châu Á và các đối tác khu vực công và tư nhân khác.

(3) Tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ làm chính sách.

4. Phương pháp thực hiện nghiên cứu

Một số phương pháp sẽ được triển khai và kết hợp để phát triển các phân tích nghiên cứu sâu từ quan điểm của các bên liên quan khác nhau, bao gồm cả chính phủ và khu vực tư nhân, cụ thể:

- Rà soát và đánh giá các nghiên cứu trước đây: Các tài liệu bao gồm các nghiên cứu về GVC của Việt Nam, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các quy định về “hoạt động kinh doanh” của khu vực tư nhân (môi trường kinh doanh), các chính sách, khởi nghiệp dựa trên công nghệ và các quy định khác.

- Khảo sát, tổ chức các cuộc họp nhóm trực tiếp và nhóm nhỏ: những cuộc họp này sẽ cung cấp hiểu biết về động lực của những bên tham gia, cơ hội, điểm nghẽn và khoảng cách trong một loạt các lĩnh vực và phân ngành. Thu thập dữ liệu và thông tin của: (i) 30+ doanh nghiệp khu vực tư nhân trong nước xuất khẩu hoặc tham gia thành công vào chuỗi giá trị khu vực hoặc toàn cầu; (ii) Hơn 30 doanh nghiệp khu vực tư nhân trong nước thành công tại thị trường nội địa nhưng không xuất khẩu hoặc không tham gia vào chuỗi giá trị khu vực hoặc toàn cầu; (iii) các bên liên quan của Chính phủ bao gồm Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam; (iv) các hiệp hội doanh nghiệp và ngành nghề như Hiệp hội các ngành công nghiệp hỗ trợ Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Phòng Thương mại và Công nghiệp quốc tế khác, Trung tâm Thương mại Châu Á, và các tổ chức khác; và v) các viện nghiên cứu như các tổ chức tư vấn và các trường đại học.

- Đối thoại đối tác công tư (PPP): Được tiến hành dưới hình thức hội thảo, các cuộc đối thoại này sẽ bổ sung cho các phương pháp nghiên cứu khác và cho phép trao đổi trực tiếp giữa các bên liên quan trong khu vực công và tư về các hành động cần thiết để hội nhập thành công hơn các doanh nghiệp khu vực tư nhân trong nước vào khu vực và toàn cầu chuỗi giá trị hoặc xuất khẩu trực tiếp.

- Phân tích dữ liệu về chuỗi giá trị: Sử dụng dữ liệu cấp doanh nghiệp về vị trí trong chuỗi giá trị, quyền sở hữu, sản lượng và xuất khẩu, các nỗ lực sẽ được thực hiện để đánh giá mức độ tham gia của các doanh nghiệp tư nhân trong nước trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Sự thành công của công việc này sẽ phụ thuộc vào sự sẵn có của dữ liệu với các biến đã đề cập.

+ Tổ chức Hội nghị, hội thảo tham vấn Dự thảo Báo cáo nhằm đánh giá về sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

5. Kế hoạch thực hiện

Thời gian thực hiện từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 3 năm 2024. Chi tiết tại Bảng 1.

Bảng 1. Kế hoạch thực hiện phi Dự án

Số TT	Hoạt động	Thực hiện chính/Phối	Thời gian dự kiến
-------	-----------	----------------------	-------------------

		hợp	
1	Văn kiện phi Dự án được phê duyệt	Điều phối của ADB/MOIT, ADB	Tháng 11/2022
2	Xác định nội dung chính của báo cáo, kế hoạch thuê tuyển tư vấn và Điều khoản tham chiếu (TOR) của tư vấn	Điều phối của ADB/MOIT, ADB	Tháng 11/2022
3	Kế hoạch tổng thể thực hiện phi Dự án (bao gồm kế hoạch hoạt động chi tiết và kế hoạch tài chính) được xây dựng và thông qua	Điều phối của ADB/MOIT, ADB	Tháng 11-12/2022
4	Tổ chức thuê tuyển tư vấn	ADB	Tháng 11-12/2022
5	Hội thảo khởi động cho nghiên cứu	ADB/MOIT	Tháng 12/2022
6	Tổ chức nghiên cứu và xây dựng Dự thảo Báo cáo đánh giá	Tư vấn/ADB, MOIT	Tháng 12/2022 – Tháng 3/2024
7	Tổ chức Xây dựng Dự thảo Chương trình quốc gia hỗ trợ sự tham gia của DNVVN đối với GVC	Tư vấn/ADB, MOIT	Tháng 12/2022 – Tháng 3/2024
8	Tổ chức các Hội thảo tham vấn lấy ý kiến về Dự thảo Báo cáo và Chương trình quốc gia ((bao gồm cả tập huấn, đào tạo cho cán bộ MOIT và các Bộ, ngành)	ADB, MOIT/Tư vấn	Tháng 12/2022 – Tháng 3/2024
9	Tổng kết, đánh giá và nghiệm thu các kết quả/đầu ra của dự án	ADB, MOIT/Tư vấn	Tháng 3/2024

IV. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN PHI DỰ ÁN

Để tổ chức quản lý phi Dự án, Bộ Công Thương không thành lập Ban quản lý Dự án, giao Chủ dự án (Vụ Kế hoạch) tự quản lý, phối hợp với ADB thực hiện phi Dự án.

Phi Dự án do ADB trực tiếp quản lý toàn bộ nguồn vốn theo quy định của ADB, Bộ Công Thương phối hợp với ADB trong quá trình tổ chức thực hiện, giám sát tiến độ và chất lượng, khai thác và sử dụng các kết quả đầu ra của phi

Dự án.

1. Cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý phi dự án

a. Cơ chế phối hợp giữa Bộ Công Thương và các bên

- Bộ Công Thương có văn bản gửi ADB ủng hộ đối với phi dự án sau khi được Văn kiện phi Dự án được Bộ Công Thương phê duyệt;

- Bộ Công Thương giao Vụ Kế hoạch phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài giám sát tiến độ và chất lượng, khai thác và sử dụng các kết quả đầu ra của phi Dự án;

- Bộ Công Thương phê duyệt Kế hoạch tổng thể; Kế hoạch hàng năm thực hiện phi Dự án; Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch; giám sát, đánh giá tình hình thực hiện đảm bảo phi Dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và đạt mục tiêu đề ra.

b. Cơ chế phối hợp giữa Ngân hàng Phát triển châu Á và các bên

- ADB là cơ quan trực tiếp quản lý, thực hiện toàn bộ phi Dự án;

- ADB phối hợp chặt chẽ với Vụ Kế hoạch trong tuyển dụng các chuyên gia tư vấn và tổ chức các hội thảo, khóa đào tạo, tập huấn. Nhóm tư vấn của dự án sẽ bao gồm chuyên gia quốc tế và chuyên gia trong nước, được tuyển theo phương thức lựa chọn cá nhân (Individual selection); việc tuyển chọn tư vấn sẽ tiến hành một lần và tuân theo các thủ tục quy định về tuyển tư vấn của ADB;

- ADB sẽ trao đổi và thống nhất với Vụ Kế hoạch về Điều khoản tham chiếu (TOR) cho các vị trí tư vấn, danh sách ngắn và việc lựa chọn tư vấn cuối cùng;

- ADB phối hợp Vụ Kế hoạch rà soát, cập nhật, xây dựng Kế hoạch thực hiện tổng thể, hàng năm (bao gồm các chi tiết về các hoạt động, kinh phí và tiến độ thực hiện dự kiến) làm căn cứ triển khai thực hiện.

c. Cơ chế phối hợp giữa Vụ Kế hoạch và các bên

- Vụ Kế hoạch phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài giám sát tiến độ và chất lượng, khai thác và sử dụng các kết quả đầu ra của phi Dự án;

- Phối hợp với ADB rà soát, cập nhật, xây dựng Kế hoạch thực hiện tổng thể, hàng năm trình Bộ Công Thương phê duyệt;

- Vụ Kế hoạch phối hợp với ADB và các chuyên gia tư vấn của ADB trong quá trình thực hiện phi dự án, bao gồm cung cấp dữ liệu và thông tin, phối hợp tổ chức, chuẩn bị nội dung và lựa chọn những người tham gia vào các hội thảo, khóa đào tạo, tập huấn;

- Vụ Kế hoạch phối hợp với ADB trong quá trình thuê tuyển chuyên gia tư vấn, cụ thể: tham gia ý kiến về Điều khoản tham chiếu (TOR) cho các vị trí tư vấn; danh sách ngắn và việc lựa chọn tư vấn cuối cùng.

2. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện khoản phi dự án của chủ dự án



- Vụ Kế hoạch là tổ chức thuộc Bộ Công Thương, thực hiện chức năng, nhiệm vụ: (i) tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng, quản lý, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; thống kê; đầu tư; chương trình, đề án phát triển ngành theo quy định của pháp luật; (ii) Là đầu mối phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo quy định của pháp luật (không bao gồm các dự án ngành điện); đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của Bộ.

- Vụ Kế hoạch có đủ năng lực tổ chức, phối hợp với Nhà tài trợ quản lý thực hiện khoản phi Dự án.

V. TỔNG VỐN CỦA PHI DỰ ÁN

1. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi

Nguồn vốn ODA là nguồn viện trợ không hoàn lại: 200.000 USD, trong đó, phân bổ theo các hoạt động tại Bảng 2.

Bảng 2. Phân bổ vốn ODA theo hạng mục (dự kiến)

Hạng mục	Ngân sách (USD)
Tư vấn Quốc tế	100.000
Tư vấn Trong nước	40.000
Hội thảo, Hội nghị, Tham vấn (bao gồm cả tập huấn, đào tạo cho cán bộ MOIT và các Bộ, ngành)	30.000
Thu thập và phân tích số liệu	30.000
Quản lý Dự án (bằng hiện vật)	0

2. Nguồn và vốn đối ứng: Không có.

3. Cơ chế tài chính:

Nguồn vốn do ADB trực tiếp quản lý, thực hiện theo cơ chế tài chính của ADB.

VI. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Phi Dự án không có điều kiện ràng buộc.